TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST Ngày 16-5-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST- HN&GĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N**, năm sinh 1993 – có mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; địa chỉ hiện nay: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn N**, sinh năm 1989 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/01/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh N kết hôn năm 2013 trên sự tự nguyện không ai ép buộc hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 24/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Quàng Văn N sử dụng ma túy, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và anh N còn nhiều lần đánh chị N. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn

yêu thương, quân tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Chị N xác nhận không còn tình cảm với anh N, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn N.

- Về con chung: Chị N và anh N có một người con chung là cháu Quàng Thị Vân N, sinh ngày 16/02/2013. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Quàng Văn N trình bày trong bản tự khai (BL 32):*

- Về hôn nhân, anh N thống nhất với ý kiến của chị N. Anh chị kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo trên sự tự nguyện của hai bên, không bị ép buộc hoặc lừa dối. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp và chị N đi làm thuê về chán ghét anh N nên yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Quàng Thị Vân Nhi, sinh ngày 16/02/2013. Ly hôn anh N yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại bản P, xã C, huyện T và gia đình cho thấy: Chị N, anh N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị có một người con chung là Quàng Thị Vân Nhi, sinh ngày 16/02/2013; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Quàng Văn N sử dụng ma túy nên vợ chồng luôn bất hòa, cãi chửi nhau. Chị N đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản Bông Ban, xã Quài Tở từ năm 2022 và anh chị sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Tại phiên tòa chị Lò Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Quàng Văn N vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Quàng Văn N.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Quàng Thị Vân N, sinh ngày 16/02/2013 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quàng Văn N chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Các đương sự không yêu cầu, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản

1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 28/4/2023 bị đơn anh Quàng Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 16/5/2023 bị đơn anh Quàng Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lò Thị N về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Quàng Văn N và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Quàng Văn N đăng ký thường trú và địa chỉ tại bản Phang, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Lò Thị N và anh Quàng Văn N kết hôn năm 2013. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Quàng Văn N kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Chị N, anh N thừa nhận kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc hoặc lừa dối. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 24/4/2013 của UBND xã Chiềng Sinh (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị N có đơn xin ly hôn với lý do anh N sử dụng ma túy, đánh chị N nên vợ chồng bất hòa, cãi chửi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Tiến hành xác minh đối với gia đình và địa phương nơi cư trú, xác định anh N sử dụng ma túy nên vợ chồng luôn xảy ra cãi chửi nhau và chị N đã đưa con bỏ về bố mẹ đẻ tại bản Bông Ban, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo từ năm 2022 đến nay (BL 35b, 40a). Hội đồng xét xử xét thấy do anh N sử dụng ma túy nên đời sống hôn nhân thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, chị N không muốn duy trì hôn nhân với anh N. Chị N đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2022 đến nay là có căn cứ. Từ khi sống ly thân anh chị đã "bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống", vợ chồng không còn

yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ những phân tích trên thể hiện hôn nhân của chị N, anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.

[4] Về con chung: Chị N, anh N có một người con chung là cháu Quàng Thị Vân N, sinh ngày 16/02/2013. Khi ly hôn chị N, anh N đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại tờ khai nguyện vọng ngày 31/01/2023 (BL 06a) và biên bản lấy lời khai của cháu Quàng Thị Vân N (BL 37a), cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyện vọng về nuôi con của chị N, anh N đều chính đáng, tuy nhiên cần xem xét đến nguyện vọng của con, đồng thời phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Hội đồng xét xử thấy chị N ngoài làm ruộng, còn đi làm công nhân phụ xây, phụ cốt pha thu nhập bình quân 7.000.000đồng/tháng. Còn anh N thường xuyên phải đi làm công nhân xa và còn sử dụng ma túy, khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay cháu Quàng Thị Vân N do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh N không đóng góp gì. Căn cứ vào nguyện vọng của con và xem xét quyền lợi về mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Quàng Văn N có nguyện vọng được nuôi con nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị N là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố dụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn anh Quàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Vân N, sinh ngày 16/02/2013 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Lò Thị N chưa yêu cầu anh Quàng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Quàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lò Thị N và anh Quàng Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị N được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/5/2023). Anh Quàng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Tằng